

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT, KIẾN THỨC CƠ BẢN

Chủ đề 1: Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế.

1. Hoạt động sản xuất và vai trò của hoạt động sản xuất.
2. Hoạt động phân phối trao đổi và vai trò của hoạt động phân phối trao đổi.
3. Hoạt động tiêu dùng và vai trò của hoạt động tiêu dùng.
4. Phân biệt được các chủ thể của nền kinh tế: Chủ thể sản xuất, chủ thể trung gian, chủ thể tiêu dùng, chủ thể nhà nước.

Chủ đề 2: Thị trường và cơ chế thị trường.

1. Khái niệm thị trường
2. Các loại thị trường
3. Chức năng của thị trường.
4. Khái niệm cơ chế thị trường.
5. Ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.
6. Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường.

Chủ đề 3: Ngân sách nhà nước và thuế.

1. Khái niệm và đặc điểm của ngân sách nhà nước.
2. Vai trò của ngân sách nhà nước.
3. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách.
4. Thuế và vai trò của thuế
5. Một số loại thuế phổ biến.
5. Quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp luật thuế.

Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.

1. Sản xuất kinh doanh và vai trò của sản xuất kinh doanh
2. Các mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của mỗi mô hình.

Chủ đề 5: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng.

1. Tín dụng và đặc điểm của tín dụng.
2. Vai trò của tín dụng.
3. Sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và chi phí sử dụng dịch vụ tín dụng.
4. Phân biệt các dịch vụ tín dụng: Tín dụng ngân hàng, tín dụng thương mại, tín dụng nhà nước.

Câu 3: Các cá nhân, tổ chức đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ trên thị trường (như: các thương nhân chuyên phân phối hàng hoá, nhà môi giới chứng khoán, môi giới bất động sản, giới thiệu việc làm,...) được gọi là

- A. chủ thể phân phối.
- B. chủ thể sản xuất.
- C. chủ thể kinh doanh.
- D. chủ thể trung gian.

Câu 4: Những người sản xuất, cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội được gọi là

- A. chủ thể tiêu dùng.
- B. chủ thể sản xuất.
- C. chủ thể trung gian.
- D. Nhà nước.

Câu 5: Chủ thể tiêu dùng có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của sản xuất?

- A. Định hướng, tạo động lực.
- B. Kìm hãm sự phát triển.
- C. Thu hút nguồn nhân lực.
- D. Chỉ đạo hướng phát triển.

Câu 6: Chị M góp 40% vốn vào cửa hàng bán hoa của chị N. Lúc này chị M tham gia vào nền kinh tế với vai trò nào sau đây?

- A. Chủ thể sản xuất.
- B. Chủ thể trung gian.
- C. Chủ thể tiêu dùng.
- D. Chủ thể phân phối.

Câu 7: Chủ thể nào dưới đây đang **không** thực hiện hoạt động tiêu dùng?

- A. Chị P mua xe máy.
- B. Anh V mời bạn bè ăn nhà hàng.
- C. Chị E mang rau ra chợ bán.
- D. Bà K mua thuốc cảm cúm.

Câu 8: Mục đích cuối cùng mà chủ thể sản xuất hướng đến là

- A. thu hồi vốn.
- B. lợi nhuận.
- C. tạo uy tín.
- D. thâm tóm thị trường.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 9, 10

Những ngày đầu bắt tay vào chăn nuôi dê, do chưa nắm vững kỹ thuật nên anh H gặp rất nhiều khó khăn. Không nản chí, anh tự sưu tầm tài liệu, tìm hiểu cách phòng và điều trị các chứng bệnh trên đàn dê. Được sự hỗ trợ vốn của Ngân hàng chính sách xã hội với số vốn trên 100 triệu đồng, anh H đã mạnh dạn tái đàn. Hiện đàn dê của gia đình anh H đã phát triển gần 1000 con. Để có đầu ra cho sản phẩm anh H đã kết nối với các nhà hàng và các khu du lịch để quảng bá và giới thiệu sản phẩm nhờ đó mà thương hiệu thịt dê do anh H xây dựng ngày càng được mọi người đón nhận, qua đó góp phần mang lại thu nhập ổn định, tạo việc làm cho nhiều người dân.

Câu 9: Xét về bản chất nền kinh tế, hoạt động của anh H gắn liền với chủ thể nào dưới đây của nền kinh tế?

- A. Chủ thể sản xuất.
- B. chủ thể trung gian.
- C. chủ thể nhà nước.
- D. Chủ thể tiêu dùng.

Câu 10: Để sản phẩm của mình đến được tới người tiêu dùng, anh H đã rất chú trọng khâu nào dưới đây?

- A. Nâng giá sản phẩm.
- B. Tạo nguồn doanh thu.
- C. Kết nối với các nhà hàng.
- D. Giải quyết vấn đề việc làm.

• **Bài 3: Thị trường**

Câu 1: Do nhu cầu khẩu trang ngày càng cao vì dịch bệnh covid diễn biến phức tạp trong khi cung ứng không kịp đáp ứng nên giá khẩu trang trên thị trường ngày càng tăng, giao động từ 60.000 đến 100.000 đồng một hộp. Trong thông tin trên, chức năng nào của thị trường đã được thực hiện?

- A. Chức năng thừa nhận. B. Chức năng thông tin.
C. Chức năng điều tiết. D. Chức năng kích thích.

Câu 2: Thị trường ra đời, phát triển gắn liền với sự phát triển của

- A. kinh tế hàng hóa. B. kinh tế tự cấp tự túc.
C. kinh tế bộ lạc. D. kinh tế thời nguyên thủy.

Câu 3: Phương án nào sau đây là một trong những yếu tố cấu thành thị trường?

- A. Giá cả – giá trị. B. Người sản xuất. C. Người tiêu dùng. D. Nhà nước.

Câu 4: Thị trường là nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá là nội dung khái niệm thị trường theo nghĩa nào sau đây?

- A. Nghĩa rộng. B. Nghĩa hẹp. C. Nghĩa chủ quan. D. Nghĩa khách quan.

Câu 5: Hành vi của chủ thể kinh tế nào dưới đây **không đúng** khi tham gia vào thị trường?

- A. Cửa hàng thuốc lợi dụng dịch bệnh để tăng giá khẩu trang bất hợp lý.
B. Thương nhân giảm giá thịt lợn hơi do ảnh hưởng của dịch Covid 19.
C. Chủ cửa hàng bán rau tăng giá do mưa lũ làm thiệt hại nhiều hoa màu.
D. Cửa hàng xăng tăng giá do giá nhập khẩu xăng tăng cao.

Câu 6: Việt Nam đang phát triển dưới mô hình kinh tế nào sau đây?

- A. Kinh tế chỉ huy. B. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
C. Kinh tế hỗn hợp. D. Kinh tế thị trường tự do.

Câu 7: Các yếu tố cấu thành thị trường không bao gồm

- A. người mua – người bán. B. hàng hoá – tiền tệ.
C. quan hệ mua – bán. D. hàng hóa – người bán.

Câu 8: Địa điểm nào sau đây **không** thuộc cơ sở của thị trường?

- A. Chợ. B. Siêu thị. C. Cửa hàng. D. Lớp học.

Câu 9: Nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá được gọi là

- A. thị trường. B. doanh nghiệp. C. bất động sản. D. kinh tế.

Câu 10: Nhận định nào sau đây đúng khi bàn về vấn đề thị trường?

- A. Thị trường là nơi con người sản xuất hàng hàng hóa.
B. Thị trường là nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá.
C. Giá cả – giá trị không thuộc những yếu tố cấu thành thị trường.

D. Chỉ người sản xuất mới tham gia vào quá trình mua bán hàng hóa.

Câu 11: Do nhu cầu hoa ngày lễ 8/3 cao nên các thương lái đã nhập hoa với số lượng lớn để bán trên thị trường. Trong trường hợp trên, chức năng nào của thị trường đã được vận dụng?

A. Chức năng thừa nhận.

B. Chức năng định hướng.

C. Chức năng điều khiển.

D. Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế.

Câu 12: Phương án nào sau đây thuộc thị trường dịch vụ?

A. Thị trường chăm sóc sắc đẹp.

B. Thị trường tư liệu tiêu dùng.

C. Thị trường khoa học - công nghệ.

D. Thị trường sắt thép.

Câu 13: Do nhu cầu về hàng may mặc ngày càng tăng nên chị P đã nhân cơ hội mở rộng quy mô sản xuất hàng may mặc và đa dạng mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong trường hợp trên, chị P đã vận dụng chức năng nào của thị trường?

A. Chức năng thừa nhận.

B. Chức năng thông tin.

C. Chức năng điều tiết.

D. Chức năng kích thích.

Câu 14: Theo nghĩa hẹp, thị trường là nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán

A. vật phẩm.

B. sản phẩm nông nghiệp.

C. hàng hoá.

D. lương thực.

Câu 15: Thị trường ra đời từ khi nào?

A. Kinh tế tự cấp tự túc ra đời.

B. Khi con người tạo ra công cụ lao động.

C. Khi nền kinh tế hàng hóa ra đời.

D. Khi con người ra đời.

• **Bài 4: Cơ chế thị trường**

Câu 1: Phương án nào sau đây **không** phải là nhược điểm của cơ chế thị trường?

A. Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái.

B. Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế.

C. Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh.

D. Không tự khắc phục được hiện tượng phân hoá sâu sắc trong xã hội.

Câu 2: Câu thành ngữ "quần ngư tranh thực" chỉ quy luật kinh tế nào?

A. Quy luật tiền tệ.

B. Quy luật cạnh tranh.

C. Quy luật cung - cầu.

D. Quy luật giá trị.

Câu 3: Để kinh doanh thành công cần thực hiện một trong các yêu cầu nào sau đây?

A. Cung ứng sản phẩm phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng.

B. Chi phí sản xuất phải lớn hơn giá bán ra thị trường.

C. Cạnh tranh bằng mọi cách và thủ đoạn với đối thủ trên thị trường.

D. Tăng cường mở rộng quy mô sản xuất hàng hóa.

Câu 4: Phương án nào sau đây là một trong những nhược điểm của cơ chế thị trường?

A. Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái.

B. Nâng cao tay nghề của người lao động.

C. Duy trì các mối quan hệ cạnh tranh lành mạnh.

D. Khắc phục được hiện tượng phân hoá sâu sắc trong xã hội.

Câu 5: Phương án nào sau đây **không** thuộc ưu điểm của cơ chế thị trường?

A. Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế.

B. Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế.

C. Đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế.

D. Nâng cao năng lực cạnh tranh của các nhà sản xuất.

Câu 6: *Chọn cụm từ thích hợp để hoàn thành nội dung sau:*

Cơ chế thị trường là ... mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như: quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận, chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.

A. hệ thống các quan hệ kinh tế.

B. hệ thống mạng lưới hàng hóa.

C. hệ thống quy luật xã hội.

D. hệ thống quan hệ sản xuất.

Câu 7: Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của

A. người tiêu dùng.

B. các quy luật kinh tế.

C. người sản xuất.

D. quan hệ cung - cầu.

Câu 8: Cơ chế thị trường có ưu điểm: Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và

A. tăng trưởng kinh tế.

B. đa dạng sinh học.

C. phân hóa giai cấp.

D. khai hóa văn minh.

Câu 9: Cơ chế thị trường có ưu điểm: Phân bổ lại nguồn lực kinh tế, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của

A. các chủ thể kinh tế.

B. môi trường tự nhiên.

C. văn minh nhân loại.

D. cơ sở kinh doanh.

Câu 10: Phương án nào sau đây là ưu điểm của cơ chế thị trường?

A. Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế.

B. Mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

C. Phân bổ quy mô sản xuất hàng hóa đồng đều giữa các khu vực.

D. Nâng cao chất lượng hàng hóa trước khi đưa ra thị trường.

Câu 11: Phát biểu nào dưới đây **không** đúng về cơ chế thị trường?

A. Chỉ tồn tại cạnh tranh lành mạnh có lợi trong sản xuất.

B. Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế.

C. Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế.

D. Thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người.

Câu 12: Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như: quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận,... chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết

A. nền kinh tế. B. thị trường. C. quá trình sản xuất. D. quá trình phân phối.

Câu 13: Phương án nào dưới đây **không** thuộc quy luật kinh tế?

A. Quy luật tiền tệ. B. Quy luật cạnh tranh. C. Quy luật cung - cầu. D. Quy luật giá trị.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 14, 15

Cá Basa là một loại thủy sản được nhiều người tiêu dùng ưa thích. Một vài năm gần đây, do điều kiện sản xuất bất lợi, sản lượng cá giảm làm giá cá Basa trên thị trường tăng cao. Do giá tăng, nhiều người tiêu dùng có xu hướng chuyển dần sang dùng sản phẩm thủy sản khác để thay thế. Nhu cầu tiêu dùng cá Basa giảm sút trên thị trường trong một khoảng thời gian dài làm giảm giá sản phẩm này. Giá cả giảm, lợi nhuận thấp khiến người nuôi cá Basa cân nhắc chuyển vốn sang sản xuất sản phẩm khác. Trong khi đó, giá cả Basa giảm dần lại có thể kéo người tiêu dùng quay trở lại mua sản phẩm. Theo thời gian, tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế đã tự phát xác định giá cả sản phẩm cá Basa ở mỗi thời điểm trên thị trường

Câu 14: Chủ thể sản xuất trong thông tin trên là

A. người tiêu dùng. B. người nuôi cá. C. người bán cá. D. người mua cá.

Câu 15: Nếu xét theo vai trò của đối tượng tham gia giao dịch thì sản phẩm cá Basa thuộc thị trường nào dưới đây?

A. Tư liệu sản xuất. B. Hàng tiêu dùng. C. Hàng may mặc. D. Khoa học, công nghệ.

• **Bài 5: Ngân sách nhà nước.**

Câu 1: Phương án nào sau đây là vai trò của ngân sách nhà nước?

- A. Tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh.
- B. Việc tạo lập và sử dụng được tiến hành trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước.
- C. Ngân sách nhà nước mang tính pháp lí cao.
- D. Ngân sách nhà nước được chia thành nhiều quỹ nhỏ có tác dụng riêng.

Câu 2: Ngân sách nhà nước có vai trò như thế nào trong việc duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước?

- A. Cung cấp nguồn tài chính.
- B. Cung cấp điều kiện tốt.
- C. Làm mục tiêu phát triển.
- D. Là yếu tố quyết định.

Câu 3: Ngân sách nhà nước có phần đóng góp rất lớn của người dân và được sử dụng vì lợi ích của

- A. nhà cầm quyền.
- B. giai cấp công nhân.
- C. quốc gia và nhân dân.
- D. giai cấp công nhân và nông dân.

Câu 4: Phương án nào sau đây là vai trò của ngân sách nhà nước?

- A. Cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.
- B. Cung cấp nguồn tài chính cho các doanh nghiệp.
- C. Cung cấp tư liệu sản xuất chính thống cho các doanh nghiệp Nhà nước.
- D. Cung cấp đầu ra đầy tiềm năng cho các chủ hộ kinh doanh.

Câu 5: Anh P là cán bộ sở nội vụ. Anh P đã có hành vi cấu kết với kế toán G rút tiền công để lấy tiền cá độ bóng đá. Trong trường hợp trên, anh P và kế toán G đã vi phạm nghĩa vụ công dân đối với ngân sách Nhà nước ở nội dung nào sau đây?

- A. Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước đúng mục đích.
- B. Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước tiết kiệm.
- C. Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế.
- D. Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản phí, lệ phí.

Câu 6: Hoạt động thu, chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc nào ?

- A. Không hoàn trả trực tiếp.
- B. Hoàn trả trực tiếp.
- C. Thu đúng và thu đủ.
- D. Tiết kiệm hiệu quả.

Câu 7: Mỗi người dân đều có nghĩa vụ đóng góp, đồng thời được hưởng quyền lợi từ ngân sách nhà nước thông qua

- A. việc sử dụng hàng hoá, dịch vụ công cộng.
- B. việc hưởng các chính sách khuyến khích từ nhà nước.
- C. các chế tài mà nhà nước quy định trong Hiến pháp.
- D. việc vay vốn ngân hàng để kinh doanh.

Câu 8: Ngân sách nhà nước có vai trò như thế nào đối với một quốc gia?

- A. Là nguồn lực để duy trì bộ máy nhà nước.
- B. Là động lực để duy trì nền kinh tế tư bản.
- C. Là vấn đề thiết yếu để ổn định an sinh xã hội.
- D. Là cơ sở để đảm bảo sự tồn tại của một đất nước.

Câu 9: Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện

- A. các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.
- B. các hoạt động và tổ chức bộ máy Nhà nước.
- C. vai trò và trách nhiệm của Nhà nước.
- D. thẩm quyền và trách nhiệm của Nhà nước.

Câu 10: Công cụ để Nhà nước điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiểm chế lạm phát là

- A. ngân sách Nhà nước.
- B. ngân sách Chính phủ.
- C. ngân hàng Nhà nước.
- D. ngân hàng thương mại.

Câu 11: Nội dung nào sau đây **không** phải đặc điểm của ngân sách Nhà nước?

- A. Hoạt động thu, chi được thực hiện theo nguyên tắc hoàn trả trực tiếp.

- B. Ngân sách nhà nước mang tính pháp lí cao.
- C. Hướng tới mục tiêu giải quyết các quan hệ lợi ích chung trong xã hội.
- D. Ngân sách nhà nước để chi dùng cho những mục đích đã có trong kế hoạch.

Câu 12: Sau kì nghỉ lễ 30/4 - 1/5. Ông H sử dụng xe công vụ đi đám cưới họ hàng ở quê. Trong trường hợp trên, ông H đã vi phạm nghĩa vụ công dân đối với ngân sách Nhà nước ở nội dung nào sau đây?

- A. Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước đúng mục đích.
- B. Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước tiết kiệm.
- C. Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế.
- D. Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản phí, lệ phí.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 13, 14

Ngày 12/11/2020, với tỉ lệ 92,53% đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, Quốc hội đã chính thức thông qua Nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Theo đó, Quốc hội thống nhất tổng số thu ngân sách nhà nước năm 2021 là 1.343.330 tỷ đồng, tổng số chi ngân sách nhà nước là 1.687.000 tỉ đồng. Quốc hội giao Chính phủ thực hiện một số biện pháp điều hành nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2021 nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh phục hồi tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát.

Câu 13: Theo Nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, thì tổng số thu ngân sách nhà nước năm 2021 là 1 343 330 tỷ đồng. Còn số này là ngân sách

- A. trung ương. B. địa phương. C. trung ương và địa phương. D. trung ương và dự phòng.

Câu 15: Theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 mang tính

- A. tự nguyện. B. pháp lý. C. tạm thời. D. vĩnh cửu.

• **Bài 6: Thuế**

Đọc đoạn thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi 1, 2, 3

Gia đình anh D, chị H có một trang trại chăn nuôi rộng 2 héc-ta, trong đó có 500m² - đất ở, diện tích còn lại là đất trồng trọt, ao thả cá. Nhờ có hiểu biết về kinh doanh, mà hoạt động kinh tế của gia đình mang lại thu nhập ổn định. Hàng năm vợ chồng anh chị đều thực hiện tốt các quy định của nhà nước về đóng thuế và quy định về sử dụng đất.

Câu 1: Với diện tích 2ha trên, gia đình anh D phải đóng loại thuế nào dưới đây?

- A. Thuế giá trị gia tăng. B. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- C. Thuế xuất nhập khẩu hàng hóa. D. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, với khoản thu nhập có được từ hoạt động sản xuất kinh doanh, gia đình anh D và chị H phải nộp khoản thuế nào dưới đây?

- A. Thuế giá trị gia tăng. B. Thuế thu nhập cá nhân.

C. Thuế xuất khẩu hàng hóa. D. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Câu 3: Xét về mặt bản chất của nền kinh tế, hoạt động của gia đình anh D và chị H thuộc hoạt động nào dưới đây?

A. Hoạt động sản xuất. B. Hoạt động phân phối.

C. Hoạt động trao đổi. D. Hoạt động tiêu dùng.

Câu 4: Nguồn thu chủ yếu nhất của ngân sách nhà nước là

A. thuế. B. vốn đầu tư nước ngoài. C. lệ phí. D. phí.

Câu 5: Vì sao xe ô tô phải nộp thuế bảo vệ môi trường?

A. Vì xe ô tô gây ô nhiễm do khí thải tạo ra khi sử dụng xăng dầu.

B. Vì xe ô tô là phương tiện giao thông được sử dụng nhiều.

C. Vì xe ô tô là phương tiện được nhập khẩu từ nước ngoài.

D. Vì xe ô tô dễ gây ảnh hưởng xấu đến hệ thống giao thông.

Câu 6: Thuế gián thu **không** bao gồm loại thuế nào sau đây?

A. Thuế giá trị gia tăng. B. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

C. Thuế thu nhập cá nhân. D. Thuế bảo vệ môi trường.

Câu 7: Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước là thực hiện loại thuế nào sau đây?

A. Thuế giá trị gia tăng. B. Thuế bảo vệ môi trường.

C. Thuế thu nhập cá nhân. D. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

Câu 8: Loại thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế được gọi là

A. thuế thu nhập đặc biệt. B. thuế giá trị gia tăng. C. thuế trực thu. D. thuế tài nguyên.

Câu 9: Do doanh nghiệp vẫn phải nhập khẩu linh kiện để lắp ráp ô tô nên phải nộp thuế nào sau đây?

A. Thuế giá trị gia tăng. B. Thuế bảo vệ môi trường.

C. Thuế thu nhập cá nhân. D. Thuế nhập khẩu.

Câu 10: Nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng biện pháp đánh thuế suất cao đối với một số hàng hoá, dịch vụ đặc biệt, nhằm điều tiết việc sản xuất và tiêu dùng xã hội cũng như nhập khẩu hàng hóa, từ đó tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước là thực hiện loại thuế nào sau đây?

A. Thuế giá trị gia tăng. B. Thuế bảo vệ môi trường.

C. Thuế tiêu thụ đặc biệt. D. Thuế nhập khẩu.

Câu 11: Phương án nào sau đây thuộc một trong các loại thuế của nước ta?

A. Thuế thu nhập cá nhân. B. Thuế lao động.

C. Thuế lao động nước ngoài. D. Thuế bình ổn giá.

Câu 12: Phương án nào dưới đây **không** thuộc vai trò của thuế?

A. Kiểm chế lạm phát. B. Điều tiết kinh tế.

C. Kích thích đầu tư.

D. Đẩy mạnh đầu cơ tích trữ.

Câu 13: Nhà nước thu thuế thu nhập đặc biệt nhằm mục đích nào sau đây?

A. Điều tiết việc sản xuất, tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ đặc biệt.

B. Kích thích sản xuất, tiêu dùng những mặt hàng thiết yếu.

C. Làm gián đoạn quá trình sản xuất hàng hóa đặc biệt.

D. Làm gián đoạn quá trình sử dụng dịch vụ đặc biệt.

Câu 14: Thuế điều tiết gián tiếp thông qua giá cả hàng hoá, dịch vụ được gọi là

A. thuế thu nhập đặc biệt. B. thuế giá trị gia tăng. C. thuế trực thu. D. thuế gián thu.

Câu 15: Anh K có tổng thu nhập mỗi tháng là 20 triệu đồng, trừ các khoản miễn thuế và giảm trừ gia cảnh, anh K phải nộp thuế 150.000 đồng/ tháng. Trong trường hợp này, anh K đang thực hiện nghĩa vụ đóng loại thuế nào sau đây?

A. Thuế giá trị gia tăng.

B. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

C. Thuế thu nhập cá nhân.

D. Thuế bảo vệ môi trường.

• **Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh**

Câu 1: Tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu chung của hợp tác xã thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý được gọi là

A. công ty hợp danh.

B. hợp tác xã.

C. hộ sản xuất kinh doanh.

D. liên hiệp hợp tác xã.

Câu 2: Tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, trụ sở giao dịch ổn định, được đăng kí kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh được gọi là

A. doanh nghiệp. B. xưởng sản xuất.

C. khu công nghiệp.

D. đại lí phân phối.

Câu 3: Phương án nào sau đây **không** phải đặc điểm của thành viên hợp danh?

A. Có trình độ tương đồng phù hợp, không quá cao.

B. Cùng liên đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ công ty.

C. Có quyền ngang nhau trong quản lý công ty.

D. Tiến hành hoạt động kinh doanh nhân danh công ty.

Câu 4: Theo quy định của pháp luật, công dân đủ từ bao nhiêu tuổi trở lên được phép đăng kí kinh doanh?

A. 18 tuổi.

B. 19 tuổi.

C. 20 tuổi.

D. 21 tuổi.

Câu 5: Phương án nào sau đây là một trong những đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân?

A. Chỉ có một chủ sở hữu duy nhất.

B. Có nhiều chủ sở hữu cùng lúc.

C. Phát triển dựa trên vốn đầu tư nước ngoài.

D. Thị trường ảnh hưởng nhỏ hẹp.

Câu 6: Anh L từ vùng quê nghèo đã lên thành phố làm thuê với mong muốn thay đổi cuộc sống. Do trình độ thấp nên anh L phải làm những nghề lao động chân tay vất vả mà ở quê cũng có, bên cạnh đó anh phải sống xa nhà, tốn thêm chi phí thuê nhà trọ, ăn uống, xe cộ,... vì thế mà thu nhập cũng không được bao nhiêu. Nếu là người thân của anh L, em sẽ lựa chọn phương án nào dưới đây để khuyên anh L cho phù hợp?

- A. Về quê lựa chọn mô hình kinh doanh phù hợp.
- B. Về quê làm nông như cũ vì không có điều kiện.
- C. Ở lại thành phố cố gắng tìm một công việc khác.
- D. Vay tiền họ hàng để lập nghiệp ở thành phố.

Câu 7: Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.
- B. Thu lợi nhuận.
- C. Phát triển kinh tế nhà nước.
- D. Cung ứng hàng hóa.

Câu 8: Mô hình sản xuất kinh doanh do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của nhà nước, địa phương và quy định của pháp luật, tự chủ trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm được gọi là

- A. công ty hợp danh.
- B. liên hiệp hợp tác xã.
- C. hộ sản xuất kinh doanh.
- D. doanh nghiệp tư nhân.

Câu 9: Phương án nào sau đây là một trong những đặc điểm của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên?

- A. Không được quyền phát hành cổ phần để huy động vốn.
- B. Công ty không có tư cách pháp nhân.
- C. Việc quản lý, điều hành công ty khá phức tạp.
- D. Gây rủi ro lớn cho người góp vốn.

Câu 10: Có tổ chức điều hành, cơ cấu nhân sự, trụ sở giao dịch, tài sản riêng và tư cách pháp nhân (trừ loại hình doanh nghiệp tư nhân) là nói đến đặc điểm nào sau đây của doanh nghiệp?

- A. Tính hợp pháp.
- B. Tính kinh doanh.
- C. Tính tổ chức.
- D. Tính cạnh tranh.

Câu 11: Công ty X chuyên sản xuất các dòng mỹ phẩm cao cấp được hình thành bằng vốn đóng góp của hơn 50 cổ đông. Hằng năm, công ty đều tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để bầu ra Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này, công ty X thuộc loại công ty nào sau đây?

- A. Công ty cổ phần.
- B. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- C. Công ty hợp danh.
- D. Công ty trách nhiệm một thành viên.

Câu 12: Phương án nào sau đây là một trong những đặc điểm của thành viên góp vốn?

Câu 4: Phương án nào sau đây là nghĩa vụ của chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi?

- A. Hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc và lãi. B. Cấp tín dụng không có bảo đảm.
C. Làm giả chứng từ thanh toán. D. Cấp tín dụng vượt giới hạn so với vốn tự có.

Câu 5: Người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng

- A. hoàn trả đúng hạn. B. tạm thời trả tiền. C. ít hoàn trả lại. D. đưa lãi tùy ý.

Câu 6: Người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ đúng hạn là nói đến đặc điểm nào sau đây của tín dụng?

- A. Dựa trên sự tin tưởng. B. Có tính tạm thời.
C. Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi. D. Có tính thời hạn.

Câu 7: Hành vi nào dưới đây nhận thức đúng về đặc điểm tín dụng?

- A. Anh P vay tiền chị M để đánh bạc nên chị M đã từ chối không cho vay.
B. Bà Q cho ông Y vay tiền mà không hỏi về mục đích sử dụng của ông Y.
C. Ông T cho anh K vay tiền, anh K đã chiếm đoạt số tiền và bỏ trốn.
D. Anh H đã dựa vào bạn bè vay tín dụng đen vì nhanh chóng, thủ tục đơn giản.

Câu 8: Phương án nào sau đây là chính sách của Ngân hàng nhà nước đối với học sinh, sinh viên?

- A. Hỗ trợ vay vốn đi học với lãi suất thấp.
B. Hỗ trợ vay vốn đi học với lãi suất cao.
C. Hỗ trợ vay vốn đi làm với thời hạn ngắn.
D. Hỗ trợ vay vốn đi làm với thời hạn ngắn, lãi thấp.

Câu 9: Ngân hàng Y cho ông P vay 30 tỉ đồng để thành lập công ty sau khi xem xét năng lực tài chính của ông là 2 sổ hồng nhà riêng và 3 giấy phép sở hữu xe ô tô. Ngân hàng đã thể hiện đúng đặc điểm nào dưới đây của tín dụng?

- A. Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi. B. Có tính tạm thời.
C. Dựa trên sự tin tưởng. D. Có tính ổn định cao.

Câu 10: Nhận định nào dưới đây **không** đúng khi bàn về đặc điểm của tín dụng?

- A. Tín dụng dựa trên sự chuyển giao tài sản cho bên vay trong mọi điều kiện.
B. Tín dụng dựa trên nguyên tắc không chỉ hoàn trả lãi, mà còn trả cả vốn.
C. Tín dụng dựa trên cơ sở lòng tin giữa người đi vay và người cho vay.
D. Tín dụng dựa trên sự chuyển nhượng tài sản có thời hạn, có tính hoàn trả.

Câu 11: Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi (người vay), theo nguyên tắc

- A. hoàn trả sau thời gian hứa hẹn. B. hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc và lãi.

C. hoàn trả gốc có kì hạn theo thỏa thuận. D. bồi thường theo quy định của pháp luật.

Câu 12: Cơ sở nào sau đây tập trung những khoản vốn lớn thông qua nhận các khoản tiền tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong xã hội rồi cung cấp vốn cho những người muốn vay để phát triển sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đòi hỏi người vay phải sử dụng hiệu quả vốn vay?

A. Ngân hàng. B. Cơ sở vay nặng lãi. C. Doanh nghiệp. D. Chi cục thuế.

Câu 13: Việc cho vay chỉ là nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong một thời hạn nhất định là nói đến đặc điểm nào sau đây của tín dụng?

A. Dựa trên sự tin tưởng. B. Có tính tạm thời.
C. Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi. D. Có tính thời hạn.

Đọc đoạn thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi 14, 15

Ông D có nhu cầu vay tiền ngân hàng để mua nhà ở. Với khả năng tài chính hiện tại, ông chỉ trả được 40% trị giá ngôi nhà. Ông dự định đến ngân hàng để vay 60% số tiền còn lại. Khi xem xét hồ sơ của ông, ngân hàng quyết định cho ông vay 60% số tiền còn lại trong thời hạn 10 năm với lãi suất 8,2% năm. Đổi lại, ông phải thế chấp sổ đỏ của ngôi nhà. Trong vòng 10 năm, ông D phải cam kết hoàn trả số tiền lãi và vốn đúng tiến độ thì mới nhận lại sổ đỏ.

Câu 14: Trong thông tin trên, mục đích của việc sử dụng dịch vụ tín dụng của ông D là để

A. phục vụ sản xuất. B. mua bất động sản. C. vay tiêu dùng. D. vay chứng khoán.

Câu 15: Ngân hàng đóng vai trò gì trong mối quan hệ vay mượn tiền để mua nhà của ông D?

A. Bên cho vay. B. Bên hỗ trợ. C. Bên được vay. D. Bên môi giới.

• **Bài 9: Dịch vụ tín dụng**

Câu 1: Phương án nào dưới đây thể hiện sự khác nhau giữa thanh toán một lần và mua trả góp?

A. Người mua phải trả thêm tiền lãi cho trả góp.
B. Điều thanh toán bằng tiền mặt.
C. Thanh toán bằng nhiều hình thức.
D. Thanh toán không gia hạn thời gian với trả góp.

Câu 2: Khi vay tín chấp, người vay cần thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

A. Cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân.
B. Trả ít nhất 50% vốn vay và lãi theo đúng hạn.
C. Có thể mượn thông tin của người khác để vay.
D. Có thể có hoặc không cần thiết giấy tờ vay.

Câu 3: Phương án nào sau đây là đặc điểm của tín dụng tiêu dùng?

A. Lượng tiền cho vay thường nhỏ, lãi suất thường cao.
B. Tùy vào người vay có mục đích vay khác nhau.
C. Người cho vay là các cá nhân, hộ gia đình.

D. Người vay là ngân hàng, công ty tài chính.

Câu 4: Trường hợp nào sau đây đã sử dụng dịch vụ tín dụng ngân hàng?

A. Ông N thế chấp ô tô và giấy chứng nhận sử dụng đất để vay tiền sửa nhà.

B. Anh G kêu gọi vốn đầu tư để xây dựng công ty cổ phần.

C. Chị K thất nghiệp và vay tiền từ công ty tài chính.

D. Công ty P mua vật liệu từ công ty G theo hình thức mua bán chịu hàng hóa.

Câu 5: Quan hệ kinh tế giữa người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thoả mãn nhu cầu tiêu dùng (mua sắm hàng hoá) gọi là

A. tín dụng tiêu dùng.

B. tín dụng thương mại.

C. tín dụng ngân hàng.

D. tín dụng Nhà nước.

Câu 6: Tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng

A. chi trả một nửa gốc và lãi khi đến hạn.

B. chi trả 50% lãi khi đến hạn.

C. hoàn trả toàn bộ tiền gốc.

D. hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn.

Câu 7: Khi vay thế chấp, người vay cần có trách nhiệm nào sau đây?

A. Cung cấp trung thực, chính xác giấy tờ hợp pháp về tài sản.

B. Trả vốn vay và lãi tùy ý, không gia hạn thời gian.

C. Có thể mượn thông tin của người khác để vay tài sản.

D. Có thể có hoặc không cần thiết giấy tờ liên quan về tài sản.

Câu 8: Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa vào

A. uy tín của người vay, nhưng cần tài sản bảo đảm.

B. uy tín của người cho vay, không cần tài sản bảo đảm.

C. uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm.

D. uy tín của người cho vay, cần tài sản bảo đảm.

Câu 9: Phương án nào sau đây **không** phải là đặc điểm của tín dụng tiêu dùng?

A. Nguồn trả nợ là thu nhập của người cho vay.

B. Mục đích vay để tiêu dùng.

C. Lượng tiền cho vay thường nhỏ.

D. Lãi suất thường cao.

Câu 10: Phương án nào dưới đây **không** phải hình thức của tín dụng tiêu dùng?

A. Bảo lãnh tín dụng.

B. Bán chịu trả góp.

C. Sử dụng thẻ tín dụng.

D. Cho vay trả góp.

Câu 11: Ông L là chủ trang trại nuôi cá nước ngọt. Công ty P thường xuyên bán chịu cá giống nước ngọt cho hộ kinh doanh của ông L. Đúng thỏa thuận ông L sẽ hoàn trả lại số tiền lãi và tiền vốn ban đầu cho công ty P. Trong trường hợp này, ông L đã sử dụng dịch vụ tín dụng nào dưới đây?

A. Tín dụng thương mại.

B. Tín dụng ngân hàng.

C. Tín dụng tiêu dùng.

D. Tín dụng Nhà nước.

gian mạng đến các điểm bán hàng bình ổn trong siêu thị. Nhờ đó hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã mang lại kết quả tích cực.

- a) Doanh nghiệp X vừa là chủ thể sản xuất vừa là chủ thể trung gian trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- b) Vai trò của chủ thể nhà nước thể hiện trong việc hỗ trợ bao tiêu hàng hóa cho doanh nghiệp.
- c) Xây dựng chuỗi cung ứng sản phẩm là một hình thức hoạt động của chủ thể trung gian trong sản xuất kinh doanh.
- d) Sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông sản hữu cơ là thể hiện trách nhiệm xã hội của công dân.

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau

Nhận thấy nhu cầu của người tiêu dùng về sản phẩm dầu gội tự nhiên mà trên thị trường chưa có, Công ty hoá mỹ phẩm A vừa đưa ra thị trường loại sản phẩm dầu gội bồ kết sả chanh. Sản phẩm được người tiêu dùng đón nhận và đánh giá cao. Vì thế, công ty mở rộng thêm quy mô sản xuất và nghiên cứu đưa ra các sản phẩm mới như: bồ kết hà thủ ô, bồ kết hương nhu, bồ kết hương bưởi,... để phát triển kinh doanh

- a) Công ty hóa mỹ phẩm A là doanh nghiệp hoạt động với tư cách là chủ thể trung gian.
- b) Công ty đã vận dụng tốt chức năng của thông tin của thị trường.
- c) Công ty đã vận dụng tốt chức năng điều tiết sản xuất kinh doanh.
- d) Sản phẩm được người tiêu dùng đón nhận và đánh giá cao là thể hiện chức năng thừa nhận của thị trường.

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau

Trong những năm qua, cơ cấu sản xuất một số loại nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam thường xuyên biến động, mà nguyên nhân chính là do biến động giá cả. Sự tăng giá hồ tiêu giai đoạn 2010 - 2015 khiến nhiều hộ nông dân các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Đắk Lắk phá bỏ vườn cà phê, vườn điều để chuyển sang trồng hồ tiêu. Tuy nhiên, do sự cạnh tranh từ các nước khác có cùng thế mạnh trồng hồ tiêu làm thị trường xuất khẩu của Việt Nam bị thu hẹp, giá hồ tiêu giảm mạnh từ năm 2017 đến năm 2019. Nhiều hộ trồng hồ tiêu lại chuyển sang trồng các loại cây ăn quả xuất khẩu tốt, hiện có giá cao như chuối, mít, sầu riêng, bưởi,

- a) Giá cả nông sản của Việt Nam chịu tác động rất lớn từ thị trường thế giới.
- b) Người nông dân liên tục chuyển đổi mô hình sản xuất là phù hợp với quy luật của giá cả thị trường.
- c) Cơ quan nhà nước cần dự báo và đưa ra khuyến cáo kịp thời tránh người dân ồ ạt chuyển đổi cây trồng.
- d) Việc thay đổi liên tục cơ cấu cây trồng sẽ dẫn đến lãng phí nguồn lực sản xuất.

Câu 5: Đọc đoạn thông tin sau

Thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020, tỉnh A đã thực hiện các chính sách giảm nghèo như: chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo, chính sách nâng mức hỗ trợ bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, chính sách hỗ trợ học sinh nghèo về giáo dục - đào tạo, chính sách cho vay vốn tín dụng ưu đãi,... góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, từng bước cải thiện và nâng cao điều kiện sống của người nghèo, người có thu nhập thấp.

- a) Ngân sách nhà nước đã thể hiện vai trò là công cụ để nhà nước định hướng phát triển các vùng kinh tế.
- b) Việc ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện chính sách khám chữa bệnh, hỗ trợ bảo hiểm là thực hiện vai trò điều tiết thu nhập.
- c) Việc hiện các chính sách giảm nghèo, chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo, là biểu hiện của nguyên tắc hoàn trả trực tiếp từ việc thu ngân sách.
- d) Theo Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội thì mọi công dân đều được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Câu 6: Đọc đoạn thông tin sau

Doanh nghiệp A và B được cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Hai doanh nghiệp này không chỉ khai thác và cung cấp cho các đơn vị trong nước mà còn tiến hành xuất khẩu khoáng sản thô sang một số nước. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường cũng như kê khai thuế với cơ quan chức năng. Trong năm 2023, nhờ nguồn vốn hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa của nhà nước, công ty đã mạnh dạn vay vốn để mở rộng sản xuất và thị trường tiêu thụ. Nhờ đó vị trí của công ty ngày càng được nâng cao.

- a) Doanh nghiệp A và B phải nộp phí bảo vệ môi trường.
- b) Vì có hoạt động xuất khẩu nên doanh nghiệp phải nộp thuế xuất khẩu.
- c) Theo phạm vi quan hệ giao dịch, thị trường của doanh nghiệp A và B cả trong nước và quốc tế.
- d) Nguồn vốn hỗ trợ từ nhà nước được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước.

Câu 7: Đọc đoạn thông tin sau

Công ti bánh kẹo DH do anh A làm chủ và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Là một doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực sản xuất bánh kẹo. Với hệ thống dây chuyền máy móc, nhà xưởng cùng công nghệ hiện đại, lao động có tay nghề cao đã tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng, được nhiều người tiêu dùng yêu thích như bánh mì, bánh bông lan, bánh trung thu, kẹo sữa... Công ti còn là nguồn cung ứng nguyên vật liệu uy tín cho các đơn vị cùng ngành và tạo ra việc làm ổn định cho một lượng lớn người lao động, đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế địa phương?

- a) Công ty bánh kẹo DH là mô hình doanh nghiệp tư nhân.

- b) Tạo việc làm và đóng góp cho sự phát triển của địa phương là thể hiện vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- c) Công ty DH vừa là chủ thể sản xuất vừa là chủ thể trung gian trong nền kinh tế.
- d) Để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh công ty có thể phát hành trái phiếu doanh nghiệp để huy động vốn.

Câu 8: Đọc đoạn thông tin sau

Từ nhiều năm nay, chính sách trợ vốn ngân hàng của Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên đã giúp nhiều em có hoàn cảnh khó khăn thực hiện được ước mơ đến với giảng đường đại học. Nhờ được vay ưu đãi, các em có kinh phí để hoàn thành khóa học, có thêm cơ hội, tìm được việc làm và phát triển bản thân, có thu nhập để thực hiện nghĩa vụ hoàn trả vốn vay cho ngân hàng.

- a) Nhiều sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được tiếp tục học tập là thể hiện vai trò của tín dụng.
- b) Vì đây là nguồn vốn chính phủ, nên các sinh viên không phải hoàn trả lại số tiền gốc và lãi cho ngân hàng.
- c) Việc sinh viên được tiếp cận nguồn vốn vay của chính phủ là thể hiện vai trò của ngân sách nhà nước.
- d) Quan hệ giữa ngân hàng với sinh viên vay vốn không phải là quan hệ tín dụng mà là sự hỗ trợ chi phí học tập.

Câu 9: Đọc đoạn thông tin sau

Gia đình bạn X dự định mua nhà mới nhưng còn thiếu 200 triệu đồng. Bố của X đã mang căn cước công dân, sổ hộ khẩu, giấy xác nhận lương hàng tháng đến ngân hàng để vay tiền số tiền trên. Nhân viên ngân hàng cho biết bố của X là công chức nhà nước, có thu nhập ổn định nên có thể vay không cần đảm bảo trong thời hạn 1 năm.

- a) Bố bạn X đã sử dụng dịch vụ tín dụng là vay tín chấp.
- b) Mục đích vay để mua nhà nước nên đây là biểu hiện của tín dụng tiêu dùng.
- c) Trong trường hợp ngân hàng không giải ngân cho gia đình bạn X vay, bố bạn X có thể liên hệ với các dịch vụ cho vay trả góp của các công ty tài chính là phù hợp.
- d) Sau khi mua nhà, bố bạn X có thể sử dụng ngay giấy chứng nhận sở hữu ngôi nhà đã mua để chuyển sang hình thức vay thế chấp số tiền lớn hơn.

PHẦN II - TỰ LUẬN

Câu 1: Hoạt động sản xuất là gì? Phân tích vai trò của hoạt động sản xuất đối với đời sống cá nhân và xã hội.

Câu 2: Khái niệm chủ thể tiêu dùng. Là một người tiêu dùng thông minh và có trách nhiệm, em hãy nêu những điều cần chú ý khi sử dụng hàng hóa và dịch vụ cho tiêu dùng cá nhân và gia đình.

Câu 3: Khái niệm thị trường. Phân tích các chức năng cơ bản của thị trường. Cho ví dụ minh họa.

Câu 4: Cơ chế thị trường là gì? Cho ví dụ từ đó làm rõ ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.

Câu 5: Khái niệm giá cả thị trường. Trình bày các chức năng cơ bản của thị trường.

Câu 6: Khái niệm ngân sách nhà nước. Phân tích vai trò của ngân sách nhà nước.

Câu 7: Thuế là gì? Thuế có vai trò như thế nào trong đời sống kinh tế - xã hội.

Câu 8: Sản xuất kinh doanh là gì? Trình bày đặc điểm của mô hình kinh tế hộ gia đình.

Câu 9: Đặc điểm của mô hình doanh nghiệp.

Câu 10: Khái niệm tín dụng. Vai trò của tín dụng trong đời sống kinh tế - xã hội.

Câu 11: Tín dụng ngân hàng là gì? Các hình thức của dịch vụ tín dụng ngân hàng?

Câu 12: Khái niệm tín dụng nhà nước. Đặc điểm của tín dụng nhà nước?

----- **HẾT** -----